

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19-8-2024

V/v: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH - TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Anh Đào

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Thái

2. Ông Nguyễn Văn Thống

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Đức Định – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 146/2024/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 về việc: “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

(Chị N, anh C đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Mạnh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái ngày 30-12-2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống,

tính cách không phù hợp, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn đỉnh điểm nhất là tháng 7/2023 chị đã làm đơn xin ly hôn anh **C** tại Toà án nhân dân huyện Yên Bình, nhưng sau đó anh **C** mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nên chị đã rút đơn về. Sau khi đoàn tụ, mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn không khắc phục được. Đến giữa tháng 6/2024 chị đã chuyển đến tập thể **trường tiểu học xã P** ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh **Nguyễn Mạnh C**.

Về con chung: Giữa chị và anh **C** có 02 con chung là **Nguyễn Tuấn T**, sinh ngày 29-7-2015 và **Nguyễn Diệu N1**, sinh ngày 02-02-2020. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Diệu N1**; giao cháu **Nguyễn Tuấn T** cho anh **Nguyễn Mạnh C** trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay chị đang giáo viên **trường mầm non xã P**, thu nhập bình quân 9.000.000đ/tháng; anh **C** đang làm giáo viên **trường tiểu học &THCS xã P**, thu nhập bình quân 10.000.000đ/tháng. Chị và anh **C** đều đảm bảo các điều kiện về chỗ ở và kinh tế để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 03-7-2024, bị đơn anh Nguyễn Mạnh C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị **Hoàng Thị N** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại **UBND xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái** ngày 30-12-2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 10/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong việc chăm sóc, giáo dục con cái, chị **N** không quan tâm đến chồng con, thờ ơ, lạnh nhạt với anh. Anh cũng đã bảo ban, hoà giải với chị **N** nhiều lần nhưng không có kết quả, đến cuối tháng 6/2024 chị **N** đã chuyển ra ngoài ở, sống ly thân với anh, anh đã khuyên bảo chị **N** về nhà chung sống với anh cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng chị **N** không nghe. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn. Chị **N** xin ly hôn, anh không nhất trí. Đề nghị Toà án hoà giải để vợ chồng anh về đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là **Nguyễn Tuấn T**, sinh ngày 29-7-2015 và **Nguyễn Diệu N1**, sinh ngày 02-02-2020. Nếu phải ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Tuấn T**, giao cháu **Nguyễn Diệu N1** cho chị **N** nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay anh đang làm giáo viên trường tiểu học &THCS **xã P**, thu nhập 9.000.000đ/tháng, anh đảm bảo các điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên hoà giải để hoà giải toàn bộ các nội dung về quan hệ hôn nhân và nuôi con chung nhưng anh **C** không đến tòa để tham gia phiên hoà giải. Do đó, Tòa án không tiến hành hoà giải được.

Theo nguyện vọng của cháu **Nguyễn Tuấn T** thì nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với bố.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; **Điều 238**; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Hoàng Thị N** để xử cho chị **N** được ly hôn với anh **Nguyễn Mạnh C**. Về nuôi con chung: Chấp nhận đề nghị về nuôi con chung của chị **N**, anh **C**. Giao con chung là **Nguyễn Tuấn T**, sinh ngày 29-7-2015 cho anh **Nguyễn Mạnh C**; giao con chung là **Nguyễn Diệu N1**, sinh ngày 02-02-2020 cho chị **Hoàng Thị N** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: Chị **Hoàng Thị N** phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh **Nguyễn Mạnh C** có hộ khẩu thường trú tại **thôn Đ, xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Yên Bình xét xử vắng mặt chị **N**, anh **C** là đúng quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Hoàng Thị N** và anh **Nguyễn Mạnh C** kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái** ngày 30 tháng 12 năm 2013. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị **N** xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp không có tiếng nói chung. Anh **C** cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, chị **N** thờ ơ lạnh nhạt với anh. Vợ chồng hiện nay đã sống ly thân nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị **N** và anh **C** đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, anh **C** không có mặt để hòa giải, thể hiện anh **C** không có thiện chí hòa giải. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị **Hoàng Thị N** là có căn cứ, cần được chấp nhận. Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị **Hoàng Thị N** được ly hôn anh **Nguyễn Mạnh C**.

[3] Về con chung: Chị **Hoàng Thị N** và anh **Nguyễn Mạnh C** có 02 con chung là **Nguyễn Tuấn T**, sinh ngày 29-7-2015 và **Nguyễn Diệu N1**, sinh ngày 02-

02-2020. Quá trình giải quyết vụ án, chị **N** và anh **C** đã thống nhất được về người trực tiếp nuôi con. Xét thấy, cả chị **N** và anh **C** đều là giáo viên, thu nhập ổn định, có chỗ ở để nuôi con. Từ khi sống ly thân thì cháu **Nguyễn Tuấn T** do anh **C** trực tiếp nuôi dưỡng, cháu cũng có nguyện vọng được ở với bố; còn cháu **Nguyễn Diệu N1** thì do chị **N** trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo mọi mặt sinh hoạt và tâm sinh lý của con, cần chấp nhận đề nghị về nuôi con chung của chị **N** và anh **C**, giao cháu **Nguyễn Tuấn T** cho anh **Nguyễn Mạnh C**; giao cháu **Nguyễn Diệu N1** cho chị **Hoàng Thị N** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con do chị **N**, anh **C** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tại phiên tòa về quan hệ hôn nhân và nuôi con chung là phù hợp, có căn cứ theo quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị **Hoàng Thị N**, anh **Nguyễn Mạnh C** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị **Hoàng Thị N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Hoàng Thị N** được ly hôn anh **Nguyễn Mạnh C**.
2. Về con chung: Giao con chung là **Nguyễn Tuấn T**, sinh ngày 29-7-2015 cho anh **Nguyễn Mạnh C**; giao con chung là **Nguyễn Diệu N1**, sinh ngày 02-02-2020 cho chị **Hoàng Thị N** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **Hoàng Thị N** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số AA/2024/0000234 ngày 26/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình. (Chị **Hoàng Thị N** đã nộp đủ).

Chị Hoàng Thị N và anh Nguyễn Mạnh C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Yên Bình;
- Chi cục THADS huyện Yên Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã Phúc Anh;
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Anh Đào